TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 193/2024/KDTM-PT
Ngày 26/7/2024
V/v *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

***Các Thẩm phán*:** Ông Bùi Đức Bằng

Ông Nguyễn Xuân Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng - Kiểm sát viên

Trong các ngày 23 và 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 37/2024/TLPT-KDTM ngày 19/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 33/2023/KDTM-ST ngày 16/9/2023 của Tòa án nhân dân quận HK, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 172/2024/QĐ-PT ngày 28/3/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 251/2024/QĐ-PT ngày 26/4/2024, Thông báo về việc thời gian mở lại phiên tòa số 239/2024/TB-TA ngày 02/5/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 358/2024/QĐ-PT ngày 30/5/2024, Thông báo về việc thời gian mở lại phiên tòa số 326/2024/TB-TA ngày 27/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng T

Địa chỉ: phường THĐ, quận HK, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông HHA - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà PTN - Giám đốc xử lý nợ

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà NTTT, ông NTH, bà NTN - Cán bộ xử lý nợ. Cùng địa chỉ: phường TH, quận CG, thành phố Hà Nội; bà NTTT, ông NTH có mặt

- Bị đơn: Công ty PK

Địa chỉ: quận HK, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông PAT - Chủ tịch Hội đồng thành viên

Người đại diện theo pháp luật được Tòa án chỉ định: Ông ĐQT, sinh năm 1976. Địa chỉ: quận NTL, thành phố Hà Nội; vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông PAT, sinh năm 1977; vắng mặt

HKTT và nơi ở: huyện GL, thành phố Hà Nội

2. Ông KPL, sinh năm 1960; vắng mặt

3. Bà ĐTL, sinh năm 1972; có mặt

4. Anh KTS, sinh năm 1985; vắng mặt

5. Anh KPH, sinh năm 1999; có mặt

6. Ông KPH, sinh năm 1962; vắng mặt

7. Bà NTH, sinh năm 1973; có mặt

8. Chị KHV, sinh năm 2004; vắng mặt

Cùng địa chỉ: quận ĐĐ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà ĐTL: Ông NXM, sinh năm 1961. Địa chỉ: quận LB, thành phố Hà Nội; có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà NTH: Bà PTKT Luật sư của Văn phòng Luật sư A. Địa chỉ: quận CG, thành phố Hà Nội; có mặt

9. Bà BKO, sinh năm 1965; vắng mặt

10. Chị KTL, sinh năm 1986; vắng mặt

11. Cháu NNMC, sinh năm 2015. Người đại diện hợp pháp: Chị KTL; vắng mặt

12. Cháu NNTV, sinh năm 2019. Người đại diện hợp pháp: Chị KTL; vắng mặt

Cùng địa chỉ: quận HM, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/4/2014 Công ty PK và Ngân hàng T ký Hợp đồng hạn mức tín dụng số 28039752/2014/HTY cùng Thỏa thuận chung về điều khoản, điều kiện mã số: ĐKTD 002 ngày 01/4/2014. Theo đó, Công ty PK đã ký kết Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số 302 ngày 03/4/2014, với nội dung cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 2.690.000.000 đồng;

- Mục đích vay: Thanh toán chi phí mua gạo;

- Ngày nhận nợ: 03/4/2014;

- Ngày đến hạn: 03/8/2014;

- Lãi suất: Linh hoạt, lãi suất vay áp dụng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên cho đến ngày 30/4/2014 là: 11%/năm. Lãi suất kỳ tiếp theo được điều chỉnh định kỳ một tháng/lần vào các ngày 01 và bằng lãi suất tham chiếu cộng (+) biên độ 0.51%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được Ngân hàng quy định theo từng thời kỳ, từng đối tượng khách hàng, tương ứng thời điểm điều chỉnh lãi suất.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty PK, ông PAT đã thế chấp tài sản là: quận ĐĐ, thành phố Hà Nội; Kết cấu: Tường chịu lực - sàn gạch - mái ngói; Cấp (Hạng): Cấp 3; Số tầng: 2/2; Căn hộ là tài sản gắn liền với đất của thửa đất có diện tích sử dụng chung 209,5m^2, mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng: Lâu dài; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BQ 221652, số vào sổ cấp GCN: CH01427/8727.2013.QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân quận ĐĐ, thành phố Hà Nội cấp ngày 09/10/2013; Đăng ký sang tên cho bên thế chấp ngày 12/03/2014 tại Phòng Tài nguyên Môi trường quận ĐĐ, thành phố Hà Nội; Hợp đồng công chứng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng: 0179.2014/TC-ĐĐ/TCB ngày 01/4/2014 tại Văn phòng Công chứng Đ, thành phố Hà Nội, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 02/4/2014.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty PK không trả nợ cho Ngân hàng T theo như cam kết. Ngân hàng T đã nhiều lần yêu cầu Công ty PK trả nợ theo như thỏa thuận tại Hợp đồng và Khế ước nhận nợ, cam kết trả nợ; yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bên thứ ba thế chấp tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ của Công ty PK tại Ngân hàng T thực hiện đúng các nghĩa vụ đã cam kết tại Hợp đồng thế chấp. Tuy nhiên, Công ty PK cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vi phạm cam kết, không thực hiện theo yêu cầu của Ngân hàng T, cố tình kéo dài thời gian và trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng T đã gửi nhiều Thông báo yêu cầu Công ty PK trả nợ nhưng Công ty PK không thực hiện.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, từ ngày 04/8/2014 đến ngày 01/02/2019 bị đơn Công ty PK đã trả cho Ngân hàng T số tiền là 3.549.767.491 đồng, trong đó: Số tiền nợ gốc là 2.650.282.417 đồng và tiền lãi là 899.485.074 đồng.

Tạm tính đến ngày 20/3/2023, Công ty PK còn nợ Ngân hàng T tổng số tiền nợ 1.562.802.627 đồng; trong đó: Nợ gốc là 39.717.583 đồng; nợ lãi là 1.208.805.582 đồng. Ngân hàng T yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau:

1. Buộc bị đơn Công ty PK phải thanh toán trả cho Ngân hàng T toàn bộ số tiền nợ theo Hợp đồng hạn mức tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký kết, tạm tính đến ngày 20/03/2023 là 1.248.523.165 đồng; trong đó: nợ gốc là 39.717.583 đồng; nợ lãi quá hạn là 1.208.805.582 đồng.

2. Kể từ ngày 21/03/2023, Công ty PK còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng hạn mức tín dụng và Khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng T.

3. Trường hợp Công ty PK không trả được toàn bộ số tiền nợ trên thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ, tài sản bảo đảm là:

Căn hộ tại địa chỉ phường PM, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội; Kết cấu: Tường chịu lực - sàn gạch - mái ngói; Cấp (Hạng): Cấp 3; Số tầng: 2/2; Căn hộ là tài sản gắn liền với đất của thửa đất có diện tích sử dụng chung: 209,5 m^2, mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng: Lâu dài; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BQ 221652, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận số: CH01427/8727.2013.QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân quận ĐĐ, thành phố Hà Nội cấp ngày 09/10/2013 cho đồng sở hữu là ông KPL và ông KPH; Đăng ký sang tên cho ông PAT ngày 12/03/2014 tại Phòng Tài nguyên Môi trường quận ĐĐ, thành phố Hà Nội - theo Hợp đồng mua bán số 0405.2014 ngày 04/03/2014 được lập tại Văn phòng Công chứng TA, thành phố Hà Nội.

Tài sản được xử lý theo diện tích và kích thước thực tế tại thời điểm xử lý tài sản bảo đảm. Những người đang quản lý sử dụng tài sản thế chấp nêu trên đều phải có nghĩa vụ chấp hành các quyết định của Cơ quan có thẩm quyền trong quá trình quản lý, sử dụng theo quy định pháp luật.

4. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty PK đối với Ngân hàng T. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty PK vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng T.

Ngoài ra, Ngân hàng T không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn và người đại diện của bị đơn trình bày:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy báo và các Văn bản tố tụng của Tòa án, báo Công ty PK và ông PAT đến Tòa án để lấy lời khai, tham gia phiên họp về việc tiếp cận, giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, ông PAT là người đại diện theo pháp luật của Công ty PK

không đến Tòa án, cũng không trình bày ý kiến của bị đơn trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không giao nộp các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Ông ĐQT do Tòa án chỉ định là người đại diện theo pháp luật của bị đơn trình bày:

Ông có gặp ông PAT vài lần qua giao tiếp bạn bè xã hội. Nay ông mới được biết ông có tên trong danh sách thành viên góp vốn của Công ty PK. Thực tế ông không góp 10% (tương đương 750.000.000 đồng) cho Công ty PK. Ông không biết lý do tại sao ông lại có tên trong danh sách cổ đông của Công ty PK. Ông không biết Công ty PK kinh doanh mặt hàng gì, địa chỉ của Công ty PK ở đâu. Mọi hoạt động của Công ty PK ông không nắm rõ, ông không tham gia vào hoạt động của Công ty và cũng không được Công ty trả lương.

Ông PAT - Chủ tịch Hội đồng thành viên và là người đại diện theo pháp luật của Công ty PK, hiện nay đang ở đâu ông không biết.

Nay ông được Tòa án thông báo Ngân hàng T khởi kiện Công ty PK, ông có ý kiến như sau: Ngân hàng T và Công ty PK ký Hợp đồng tín dụng, ông hoàn toàn không biết. Ông PAT là người ký vay Ngân hàng T thì ông PAT phải chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng T, ông không liên quan. Ngoài ra, ông không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà NTH trình bày:

Bà quen ông PAT qua một người bạn học cùng cấp 2 với bà. Do bà đang cần vay tiền để trả nợ nên bạn của bà đã giới thiệu ông PAT cho bà để bà hỏi vay tiền. Sau khi bà trao đổi với ông PAT, ông PAT nói sẽ đồng ý cho bà vay 300.000.000 đồng với điều kiện phải thế chấp "Sổ đỏ" nên bà đã gặp vợ chồng ông KPL, bà L (ông KPL là anh trai của ông KPH chồng bà, bà L là vợ của ông KPL) để đặt vấn đề mượn "Sổ đỏ" căn hộ tại địa chỉ số 204-B8 tập thể Bệnh viện BM mang tên đồng sở hữu là ông KPL và ông KPH, để bà vay 300.000.000 đồng của ông PAT. Vợ chồng ông KPL, bà L do tin tưởng vợ chồng bà nên đã đồng ý cho bà mượn "Sổ đỏ" thế chấp cho ông PAT để bà vay tiền.

Vào tháng 03 năm 2014 khi ông PAT đồng ý cho bà vay tiền, ông PAT yêu cầu bà và chồng bà là ông KPH cùng vợ chồng bà L, ông KPL đến Văn phòng công chứng TA tại quận HBT, thành phố Hà Nội để ký giấy giải ngân, với mục đích để ông PAT cho bà vay 300.000.000 đồng. Tại Văn phòng công chứng, ông PAT đưa cho vợ chồng bà và vợ chồng ông KPL, bà L một tập tài liệu có đề "Giấy giải ngân", vợ chồng bà không đọc hết các tài liệu đó, do bà tin tưởng ông PAT, còn vợ chồng ông LKP, bà L tin tưởng bà nên vợ chồng bà và vợ chồng ông KPL, bà L đã ký vào các văn bản tài liệu do ông PAT đưa.

Đến khi vợ chồng bà nhận được các văn bản của Tòa án báo vợ chồng bà đến Tòa án để giải quyết vụ án do Ngân hàng T khởi kiện Công ty PK, lúc đó bà mới biết căn hộ tại địa chỉ quận ĐĐ, thành phố Hà Nội đứng tên sở hữu của ông KPH, KPL đã được sang tên cho ông PAT ngày 12/03/2014 theo Hợp đồng mua bán số 0405.2014 ngày 04/3/2014 được lập tại Văn phòng công chứng TA, thành phố Hà Nội. Sau đó, ông PAT đã thế chấp căn hộ trên cho Ngân hàng T để Công ty PK vay tiền của Ngân hàng T. Về việc này bà có ý kiến như sau: Vợ chồng bà không bán nhà, không vay Ngân hàng. Bà không biết việc căn hộ đã được sang tên cho ông PAT và ông PAT thế chấp cho Ngân hàng T. Vì vợ chồng bà sinh sống tại căn hộ không thấy Ngân hàng T hay Cơ quan thẩm định nào đến để xem xét, thẩm định căn hộ. Nếu biết có việc thế chấp thì bà đã có ý kiến với Ngân hàng T từ thời điểm căn hộ được thế chấp.

Hợp đồng thỏa thuận vay vốn số 09/2014/HĐTTVV-PK đề tháng 03 năm 2014 và Hợp đồng mua bán căn hộ ngày 04/03/2014, bà xác nhận chữ ký, chữ viết tên NTH là do bà ký và viết. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với Hợp đồng 09/2014/HĐTTVV-PK đề tháng 03 năm 2014 trong vụ án này.

Bà không có yêu cầu độc lập trong vụ án này. Bà là người vay tiền của ông PAT - Giám đốc Công ty PK, hàng tháng ông PAT vẫn cho người đến thu tiền gốc và tiền lãi của bà. Đến khoảng năm 2018 thì bà không thấy ông PAT đến thu tiền gốc và tiền lãi của bà nữa, bà gọi điện nhưng ông PAT không nghe, nhắn tin ông PAT không trả lời. Hiện nay bà không biết ông PAT đang ở đâu. Bà đề nghị Tòa án triệu tập bị đơn ra Tòa để giải quyết vì bà cũng chỉ là người bị hại.

Nay, Ngân hàng T khởi kiện Công ty PK yêu cầu Công ty PK phải trả nợ cho Ngân hàng T, nếu Công ty PK không trả được nợ thì Ngân hàng T yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là căn hộ tại địa chỉ quận ĐĐ, thành phố Hà Nội. Bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết đảm bảo quyền lợi cho vợ chồng bà.

Ngoài ra bà H không có yêu cầu gì khác.

Ông KPL và bà ĐTL cùng thống nhất trình bày:

Ông KPL, bà ĐTL không biết ông PAT - Giám đốc Công ty PK. Ông KPL, bà ĐTL chỉ biết ông PAT qua bà NTH (bà H là em dâu của ông KPL, chồng bà NTH là ông KPH, ông KPH là em ruột của ông KPL). Ông KPH có nói với ông KPL, bà L là cho bà H mượn "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân quận ĐĐ, thành phố Hà Nội cấp ngày 09/10/2013 cho ông KPL, ông KPH - tại quận ĐĐ, thành phố Hà Nội, để bà NTH đưa cho ông PAT thì ông PAT mới đồng ý cho bà NTH vay 300.000.000 đồng.

Khi bà NTH vay tiền của ông PAT, bà NTH bảo ông KPH cùng ông, bà đến Văn phòng công chứng TA tại quận HBT, thành phố Hà Nội để ký giấy giải ngân,

mục đích để ông PAT cho bà NTH vay số tiền 300.000.000 đồng. Khi ông, bà cùng ông KPH đến Văn phòng công chứng T, ông PAT đưa cho ông, bà một tập tài liệu có đề "Giấy giải ngân" ông, bà không đọc hết các tài liệu đó, do tin tưởng bà NTH nên ông, bà đã ký vào các tài liệu ông PAT đưa. Còn các tài liệu đó cụ thể là gì thì ông bà không nắm rõ.

Đến nay, ông bà được Tòa án cho xem "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" do Ủy ban nhân dân quận ĐĐ, Thành phố Hà Nội cấp ngày 09/10/2013 cho ông KPL, ông KPH, tại địa chỉ quận ĐĐ, thành phố Hà Nội đã được sang tên cho ông PAT từ ngày 12/03/2014 theo Hợp đồng mua bán số 0405.2014 ngày 04/3/2014 được lập tại Văn phòng công chứng TA, thành phố Hà Nội. Sau đó, ông PAT đã thế chấp căn hộ trên cho Ngân hàng T để Công ty PK vay tiền thanh toán chi phí mua hàng của Công ty PK. Về vấn đề này ông bà có ý kiến như sau: Ông bà không bán nhà, không vay Ngân hàng. Ông, bà không biết việc căn hộ mà ông, bà đang ở đã được sang tên cho ông PAT và ông PAT đã thế chấp cho Ngân hàng T để vay tiền, vì trong quá trình sinh sống tại căn hộ trên, ông bà không thấy Ngân hàng T hay Cơ quan thẩm định nào đến để xem xét, thẩm định căn hộ. Nếu biết thì ông, bà đã có ý kiến với Ngân hàng T từ thời điểm ông PAT thế chấp cho Ngân hàng T.

Ông, bà được Tòa án cho xem Hợp đồng thỏa thuận vay vốn số 09/2014/HĐTTVV-PK đề tháng 03 năm 2014, ông bà xác nhận đây không phải là chữ ký của ông, bà. Còn Hợp đồng mua bán căn hộ ngày 04/03/2014 ông, bà xác nhận đúng là chữ ký, chữ viết của ông, bà. Ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với Hợp đồng 09/2014/HĐTTVV-PK đề tháng 03 năm 2014 trong vụ án này.

Ông, bà không có yêu cầu độc lập trong vụ án này. Ông, bà đề nghị Tòa án triệu tập bị đơn ra Tòa để giải quyết vì ông, bà không liên quan đến vụ án.

Nay Ngân hàng T khởi kiện Công ty PK yêu cầu thanh toán trả nợ cho Ngân hàng T, nếu Công ty PK không trả được nợ thì Ngân hàng T yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là căn hộ nhà ở tại địa chỉ quận ĐĐ, thành phố Hà Nội. Ông, bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết đảm bảo quyền lợi cho ông, bà.

Ngoài ra, ông, bà không có ý kiến gì khác.

Bà BKO trình bày:

Bà là vợ ông KPH (ông KPH là em ruột của ông KPL và ông KPH). Ông KPH (chồng bà) mất từ năm 1995, từ khi chồng bà mất thì bà và con gái là KTL cùng các cháu ngoại vẫn ở tại địa chỉ quận ĐĐ, thành phố Hà Nội. Do nhà chật chội, khoảng năm 2016 bà và con gái đã chuyển đi ở nơi khác tại địa chỉ quận HM, thành phố Hà Nội. Hiện nay, bà và con gái cùng các cháu ngoại vẫn còn hộ khẩu tại quận ĐĐ, thành phố Hà Nội.

Bà đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, Giấy báo và các Văn bản tố tụng khác của Tòa án, báo bà đến Tòa án để giải quyết vụ án kinh doanh thương mại, về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" do Ngân hàng T khởi kiện đối với Công ty PK mà Tòa án đưa bà và con gái của bà vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bà có ý kiến như sau:

Bà và con gái bà là KTL không biết về việc vay nợ giữa Công ty PK và bà NTH. Bà và chị KTL con gái bà không liên quan đến vụ án trên. Bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Hiện bà và con gái bà bận đi làm không có thời gian đến Tòa án để tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Bà đề nghị Tòa án cho bà được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc của Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án trên.

Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

***Tại phiên tòa sơ thẩm**:*

Nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày ở trên và đề nghị Tòa án giải quyết những nội dung sau:

1. Buộc bị đơn Công ty PK phải trả cho Ngân hàng T số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 28039752/2014/HTY ngày 01/4/2014 và Khế ước nhận nợ ngày 03/4/2014 đã ký giữa hai bên, số tiền tạm tính đến ngày 16/9/2023 (ngày xét xử sơ thẩm) là: 1.251.713.529 đồng (một tỷ, hai trăm năm mươi mốt triệu, bảy trăm mười ba nghìn, năm trăm hai mươi chín đồng); trong đó: nợ gốc là: 39.717.583 đồng; lãi quá hạn là 1.211.995.946 đồng.

2. Công ty PK tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo thỏa thuận tại Hợp đồng hạn mức tín dụng, Thỏa thuận chung về điều khoản điều kiện mã số: ĐKTD cùng Khế ước nhận nợ kể từ ngày kế tiếp của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 17/9/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng và giữ nguyên ý kiến về việc yêu cầu Tòa án tuyên cho Ngân hàng T được quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ gốc và lãi nêu trên.

Đối với số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 794.351 đồng (bảy trăm chín mươi tư nghìn, ba trăm năm mươi mốt đồng), Ngân hàng T đã có Đơn tự nguyện xin rút yêu cầu đối với phần phạt vi phạm hợp đồng và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn Công ty PK: Người đại diện theo pháp luật là ông PAT - Chủ tịch Hội đồng thành viên và ông ĐQT - thành viên góp vốn được Tòa án chỉ định là người đại diện theo pháp luật của Công ty PK tham gia tố tụng tại Tòa án, đều đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà NTH trình bày: Bà giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại Tòa án, bà xin được trả nợ cho Ngân hàng T thay cho Công ty PK số tiền nợ gốc là 39.717.583 đồng và 30.000.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng cả gốc và lãi là 70.000.000 đồng, và bà xin được trả dần mỗi tháng từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng, vì hiện nay bà đang bị bệnh không có khả năng để trả nợ một lần cho Ngân hàng T thay cho bị đơn được. Nếu Ngân hàng T không chấp nhận, bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật đảm bảo quyền lợi cho bà.

Ông PAT, ông KPL, bà ĐTL, anh KTS, anh KPH1 , ông KPH, chị KHV, chị KTL đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Bà BKO có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 33/2023/KDTM-ST ngày 16/9/2023 của Tòa án nhân dân quận HK, thành phố Hà Nội đã xử:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3, khoản 4 Điều 56; khoản 4 Điều 74; Điều 179; Điều 180; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 223, Điều 295, Điều 299, Điều 318, Điều 319, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 2 Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội;

- Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Điều 19, Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

- Khoản 1 Điều 8; Điều 10; điểm a khoản 1 Điều 13 - Nghị quyết 01/2019 /NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Khoản 2 Điều 17 của Luật phí và lệ phí 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 1.2, điểm e khoản 1.4 Điều 1 Mục II – Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân T đối với bị đơn Công ty PK, về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

2. Buộc bị đơn Công ty PK phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng T số tiền nợ của Hợp đồng hạn mức tín dụng số 28039752/2014/HTY ngày 01/4/2014 và Khế

ước nhận nợ và cam kết trả nợ số 302 ngày 03/4/2014, tạm tính đến ngày 16/9/2023 (ngày xét xử sơ thẩm) là: 1.251.713.529 đồng (Một tỷ, hai trăm năm mươi mốt triệu, bảy trăm mười bà nghìn, năm trăm hai mươi chín đồng), trong đó:

Nợ gốc là: 39.717.583 đồng,

Nợ lãi quá hạn là: 1.211.995.946 đồng.

3. Bị đơn Công ty PK còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa thanh toán, kể từ ngày kế tiếp của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 17/9/2023 cho đến khi Công ty PK thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc cho nguyên đơn Ngân hàng T theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng hạn mức tín dụng cùng Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ đã ký kết.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty PK không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ, tài sản bảo đảm là:

Căn hộ tại địa chỉ quận ĐĐ, Thành phố Hà Nội; Căn hộ là tài sản gắn liền với đất của thửa đất có diện tích sử dụng chung: 209,5 m2, mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng: Lâu dài; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BQ 221652, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận số: CH01427/8727.2013.QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân quận ĐĐ, Thành phố Hà Nội cấp ngày 09/10/2013 cho đồng sở hữu là ông KPL và ông KPH; Đăng ký sang tên cho ông PAT ngày 12/03/2014 tại Phòng Tài nguyên Môi trường quận ĐĐ, Thành phố Hà Nội.

Tài sản được xử lý theo diện tích và kích thước thực tế tại thời điểm xử lý tài sản bảo đảm. Những người đang quản lý sử dụng tài sản thế chấp nêu trên đều phải có nghĩa vụ chấp hành các quyết định của Cơ quan có thẩm quyền trong quá trình quản lý, sử dụng theo quy định pháp luật.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty PK đối với Ngân hàng T. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty PK vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng T. Nếu số tiền thu được còn thừa thì Ngân hàng T sẽ trả lại phần thừa cho chủ tài sản.

Trong trường hợp tài sản bị xử lý để thu hồi nợ, tất cả những người đang trực tiếp sinh sống quản lý trên tài sản đảm bảo phải có nghĩa vụ bàn giao lại tài sản để đảm bảo thi hành án.

5. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T) đối với bị đơn Công ty PK, về việc yêu cầu thanh toán khoản phí phạt vi phạm Hợp đồng là 794.351 đồng (bảy trăm chín mươi tư nghìn, ba trăm năm mươi mốt đồng)

6. Về án phí:

Bị đơn Công ty PK phải chịu số tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 49.552.0000 đồng (Bốn mươi chín triệu, năm trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Nguyên đơn Ngân hàng T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp là 24.440.000 đồng (Hai mươi bốn triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng áp phí số: AA/2020/0051539 ngày 30/03/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận HK, Thành phố Hà Nội.

7. Quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà NTH. Vắng mặt bị đơn Công ty PK và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông PAT; ông KPL; ông KPH; bà ĐTL; anh KTS, anh KPH1; chị KHV, bà BKO, chị KTL, cháu NNMC và cháu NNTV(cháu C và cháu V là con chị L do chị KTL là người giám hộ).

Tòa án báo cho các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ có quyền kháng cáo đối với phần quyết định của bản án có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận về việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm,

Bà ĐTL kháng cáo bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại, đảm bảo quyền lợi cho bà và gia đình.

Bà NTH kháng cáo bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nguyện vọng của bà là trả nốt phần nợ gốc và một ít tiền lãi cho ngân hàng thay bị đơn để ngân hàng giải chấp sổ đỏ cho bà.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà L, bà H.

Bà Lan và người đại diện theo ủy quyền của bà L, bà H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nội dung kháng cáo, xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận xét và đề nghị:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà L, bà H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí: Do kháng cáo của bà L, bà H không được chấp nhận, nên bà L, bà H phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tiến hành tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà ĐTL và bà NTH được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa Ngân hàng T với Công ty PK phát sinh từ hợp đồng tín dụng, nên được xác định là tranh chấp kinh doanh thương mại.

Bị đơn là Công ty PK có địa chỉ tại Quận HK, thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân quận HK, thành phố Hà Nội giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] - Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Ngày 01/4/2014 Công ty PK và Ngân hàng T ký Hợp đồng hạn mức tín dụng số 28039752/2014/HTY cùng Thỏa thuận chung về điều khoản, điều kiện mã số: ĐKTD 002 ngày 01/4/2014.

Theo đó, Công ty PK đã ký kết Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số 302 ngày 03/4/2014, với nội dung cụ thể như sau: số tiền vay: 2.690.000.000 đồng; mục đích vay: thanh toán chi phí mua gạo; ngày nhận nợ: 03/4/2014; ngày đến hạn: 03/8/2014; lãi suất: linh hoạt, lãi suất vay áp dụng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên cho đến ngày 30/4/2014 là: 11%/năm, lãi suất kỳ tiếp theo được điều chỉnh định kỳ một tháng/lần.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty PK đã trả cho Ngân hàng T tổng số tiền 3.549.767.491 đồng, trong đó: nợ gốc 2.650.282.417 đồng; nợ lãi 899.485.074 đồng.

Tính đến ngày 16/9/2023, Công ty PK còn nợ Ngân hàng T tổng số tiền 1.251.713.529 đồng, trong đó: nợ gốc 39.717.583 đồng; nợ lãi 1.211.995.946 đồng

Án sơ thẩm buộc Công ty PK phải thanh toán trả Ngân hàng T tổng số tiền 1.251.713.529 đồng, trong đó nợ gốc 39.717.583 đồng, nợ lãi 1.211.995.946 đồng là có căn cứ.

Tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty PK là căn hộ tại địa chỉ quận ĐĐ, thành phố Hà Nội. Căn hộ là tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 221652 do Ủy ban nhân dân quận ĐĐ, thành phố Hà Nội cấp ngày 09/10/2013, đã được đăng ký sang tên cho bên thế chấp ngày 12/03/2014 tại Phòng Tài nguyên Môi trường quận ĐĐ, thành phố Hà Nội. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Xét hợp đồng thế chấp được các bên ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự do, tự nguyện thỏa thuận, nội dung và hình thức của hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên có hiệu lực pháp luật và buộc các bên phải thi hành.

Bà L và người đại diện theo ủy quyền của bà L, bà H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, nhưng không xuất trình được bất kỳ chứng cứ, tài liệu nào chứng minh cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dẫn đến quyền lợi của các bà bị xâm hại, mặt khác bà L, bà H chỉ là những người ở trong căn hộ đã thế chấp, không phải là người có tên trong giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất nên không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo của bà L, bà H, nên án sơ thẩm tuyên trong trường hợp Công ty PK không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ là có căn cứ, nên giữ nguyên.

Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về việc yêu cầu thanh toán khoản phí phạt vi phạm hợp đồng 794.351 đồng. Án sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở, nên giữ nguyên.

Từ những phân tích trên và theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà ĐTL và kháng cáo của bà NTH, giữ nguyên bản án sơ thẩm

Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo, nên những người kháng cáo phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Từ những nhận định trên.

Căn cứ Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 30; Điều 37; Điều 38; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Áp dụng Điều 223; Điều 295; Điều 299; Điều 318; Điều 319; Điều 468 của Bộ luật Dân sự

Áp dụng Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Áp dụng Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm

Áp dụng Nghị quyết 01/2019 /NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của bà ĐTL và kháng cáo của bà NTH

- Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 33/2023/KDTM-ST ngày 16/9/2023 của Tòa án nhân dân quận HK, thành phố Hà Nội:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T đối với Công ty PK về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

2. Buộc Công ty PK phải trả cho Ngân hàng T số tiền nợ của Hợp đồng hạn mức tín dụng số 28039752/2014/HTY ngày 01/4/2014 và Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số 302 ngày 03/4/2014 như sau:

Nợ gốc: 39.717.583 đồng

Nợ lãi quá hạn: 1.211.995.946 đồng

Tổng cộng: 1.251.713.529 đồng

3. Công ty PK còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa thanh toán, kể từ ngày kế tiếp của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 17/9/2023 cho đến khi Công ty PK thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc cho Ngân hàng T theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng hạn mức tín dụng cùng Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ đã ký kết.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty PK không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ, tài sản bảo đảm là:

Căn hộ tại địa chỉ quận ĐĐ, thành phố Hà Nội; Căn hộ là tài sản gắn liền với đất của thửa đất có diện tích sử dụng chung: 209,5 m^2, mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng: Lâu dài; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BQ 221652, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận số: CH01427/8727.2013.QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân quận ĐĐ, thành phố Hà Nội cấp ngày 09/10/2013 cho đồng sở hữu là ông KPL và ông KPH; Đăng ký sang tên cho ông PAT ngày 12/03/2014 tại Phòng Tài nguyên Môi trường quận ĐĐ, thành phố Hà Nội.

Tài sản được xử lý theo diện tích và kích thước thực tế tại thời điểm xử lý tài sản bảo đảm. Những người đang quản lý sử dụng tài sản thế chấp nêu trên đều phải có nghĩa vụ chấp hành các quyết định của Cơ quan có thẩm quyền trong quá trình quản lý, sử dụng theo quy định pháp luật.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty PK đối với Ngân hàng T. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty PK vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng T. Nếu số tiền thu được còn thừa thì Ngân hàng T sẽ trả lại phần thừa cho chủ tài sản.

Trong trường hợp tài sản bị xử lý để thu hồi nợ, tất cả những người đang trực tiếp sinh sống quản lý trên tài sản bảo đảm phải có nghĩa vụ bàn giao lại tài sản để đảm bảo thi hành án.

5. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T đối với Công ty PK, về việc yêu cầu thanh toán khoản phí phạt vi phạm hợp đồng là 794.351 đồng.

6. Về án phí sơ thẩm:

- Công ty PK phải nộp 49.552.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả Ngân hàng T 24.440.000 đồng tạm ứng án phí (đã nộp) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0051539 ngày 30/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận HK, thành phố Hà Nội.

7. Về án phí phúc Thẩm:

- Bà ĐTL phải nộp 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí (đã nộp) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006002 ngày 02/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân quận HK, thành phố Hà Nội, nên còn phải nộp 1.700.000 đồng

- Bà NTH phải nộp 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí (đã nộp) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0052575 ngày 25/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân quận HK, thành phố Hà Nội, nên còn phải nộp 1.700.000 đồng

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận về việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tp Hà Nội;
- CCTHADS quận HK, tp Hà Nội;
- TAND quận HK, tp Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thái Sơn